

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2026

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỬA NHIỀU THÔNG TƯ TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM ĐƯỜNG BỘ SO VỚI CÁC THÔNG TƯ: THÔNG TƯ SỐ 46/2024/TT-BGTVT; THÔNG TƯ SỐ 47/2024/TT-BGTVT; THÔNG TƯ SỐ 53/2024/TT-BGTVT; THÔNG TƯ SỐ 54/2024/TT-BGTVT; THÔNG TƯ SỐ 55/2024/TT-BGTVT

CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN NAY	DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỬA NHIỀU THÔNG TƯ TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM ĐƯỜNG BỘ	THUYẾT MINH
Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT		
Điểm c khoản 1 Điều 5 c) Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026);	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 5 “c) Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp <i>(thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp)</i> ;”	Hiện nay chưa tổ chức đánh giá sự phù hợp nào được Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông vận tải) chỉ định thực hiện việc kiểm tra, đánh giá cơ sở đăng kiểm theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 5 để tránh gây vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.
Khoản 5 Điều 9	Điều 2. Bổ sung khoản 5 Điều 9	Giải trình:

Chưa có	“5. Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp).”	- Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 166/2024/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung QCVN 103:2024/BGTVT, cụ thể là: bổ sung nội dung quy định về việc Tổ chức đánh giá sự phù hợp chứng nhận cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
Điểm a khoản 3 Điều 10 a) Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy để ghi nhận vào biên bản theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;	Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 10 “a) Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy để ghi nhận vào biên bản theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. <i>Khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra, đánh giá tại điểm này được thay thế bằng kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, `cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp`;</i> ”	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp khi đưa vào quy định các cơ sở kiểm định khí thải được kiểm tra, đánh giá bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp.
	Điều 4. Bổ sung điểm e khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 11	
Điểm e khoản 1 Điều 11 Chưa có	1. Bổ sung điểm e khoản 1 như sau: <i>“e) Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp).”</i>	Bổ sung thêm Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới,

		cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp
Điểm d khoản 2 Điều 11 d) Hồ sơ cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này.	2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau: “đ) Hồ sơ cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 1 Điều này.”	Bổ sung thêm Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (để phù hợp với các sửa đổi, bổ sung nêu trên)
Khoản 3 Điều 16 Chưa có	Điều 5. Bổ sung khoản 3 Điều 16 <i>“3. Công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng danh sách các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải được cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”.</i>	Bổ sung thêm trách nhiệm của Sở Xây dựng.
	Điều 6. Thay thế cụm từ “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy” bằng cụm từ “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy”.	Thay thế tên Quy chuẩn để phù hợp với quy định tại Luật số 118/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự.

	Điều 7. Thay thế Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục VII, Phụ lục VIII, Phụ lục IX, Phụ lục X, Phụ lục XI, Phụ lục XII tương ứng bằng các Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục VII, Phụ lục VIII, Phụ lục IX, Phụ lục X, Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này	Thay thế để phù hợp với các nội dung sửa đổi, bổ sung
Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT		
	Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 3	
Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Thông tư này, các cụm từ dưới đây được hiểu như sau: 1. Hệ thống truyền động điện (Electric powertrain) là hệ thống bao gồm một hoặc nhiều: thiết bị tích trữ điện năng (ắc quy, pin, bánh đà điện cơ hoặc siêu tụ); thiết bị ổn định điện năng; thiết bị điện được sử dụng để chuyển đổi điện năng tích trữ thành cơ năng truyền tới các bánh xe làm nguồn động lực cho xe chuyển động; 2. Xe thuần điện (PEV - Pure electric vehicle hoặc BEV - Battery electric vehicle) là xe cơ giới sử dụng hệ thống truyền động điện; 3. Xe điện dùng pin nhiên liệu thuần túy (PFCEV - Pure fuel cell electric vehicle hoặc FCEV - Fuel cell electric vehicle) là xe cơ giới điện sử dụng pin nhiên liệu thuần túy, trong đó hệ thống pin nhiên liệu là nguồn năng lượng duy nhất trên xe cho hệ thống động lực của xe; 4. Hệ thống truyền động hybrid điện (Hybrid electric powertrain) là hệ truyền động tiêu thụ năng lượng từ cả hai nguồn năng lượng được	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Thông tư này, các cụm từ dưới đây được hiểu như sau: <i>1. Hệ thống truyền động điện (Electric powertrain) là hệ thống bao gồm một hoặc nhiều: thiết bị tích trữ điện năng (ắc quy, pin, bánh đà điện cơ hoặc siêu tụ); thiết bị ổn định điện năng; thiết bị điện được sử dụng để chuyển đổi điện năng tích trữ thành cơ năng truyền tới các bánh xe làm nguồn động lực cho xe chuyển động.</i> <i>2. Xe điện dùng pin nhiên liệu thuần túy (PFCEV - Pure fuel cell electric vehicle hoặc FCEV - Fuel cell electric vehicle) là xe cơ giới điện sử dụng pin nhiên liệu thuần túy, trong đó hệ thống pin nhiên liệu là nguồn năng lượng duy nhất trên xe cho hệ thống động lực của xe.</i> <i>3. Hệ thống truyền động hybrid điện (Hybrid electric powertrain) là hệ truyền động tiêu thụ năng lượng từ cả hai nguồn năng lượng được tích trữ trên xe, gồm nhiên liệu và thiết bị tích trữ điện năng.</i> <i>4. Xe hybrid điện nhẹ (MHEV - Mild hybrid electric vehicle, Micro hybrid electric vehicle) là xe cơ giới được dẫn động bằng hệ thống truyền động hybrid điện. Xe không có khả năng di chuyển chỉ bằng năng lượng điện trong bất kỳ điều kiện vận hành nào; mô-tơ điện chỉ có chức năng hỗ trợ động cơ đốt trong khởi động, hỗ trợ tăng tốc, phanh tái tạo và cung cấp năng lượng cho các hệ thống phụ trợ. Xe không có khả năng nạp điện từ nguồn điện bên ngoài.</i> <i>5. Xe hybrid điện hoàn toàn (FHEV - Full hybrid electric vehicle, còn gọi là SHEV - Strong hybrid electric vehicle) là xe cơ giới được dẫn động bằng hệ thống truyền động hybrid điện. Xe có khả năng di chuyển chỉ bằng</i>	Sửa đổi, bổ sung theo ý kiến góp ý của VAMA, Công ty Vinfast, Công ty Ford Việt Nam và phù hợp với diễn giải của Tổ chức Hải quan thế giới.

<p>tích trữ trên xe, gồm nhiên liệu và thiết bị tích trữ điện năng;</p> <p>5. Xe hybrid điện (HEV - Hybrid electric vehicle) là xe cơ giới được dẫn động bằng hệ thống truyền động hybrid điện (bao gồm cả xe sử dụng nhiên liệu tiêu thụ chỉ để nạp điện cho thiết bị tích trữ điện năng), gồm có:</p> <p>a) Xe hybrid điện nhẹ (MHEV - Mild hybrid electric vehicle) là xe hybrid điện; động cơ (mô-tơ) điện có chức năng hỗ trợ động cơ đốt trong khởi động, hỗ trợ tăng tốc, phanh tái tạo và cung cấp năng lượng cho hệ thống phụ trợ. Xe không có khả năng nạp điện được từ nguồn điện bên ngoài;</p> <p>b) Xe hybrid điện hoàn toàn (FHEV- Full hybrid electric vehicle hoặc SHEV - Strong hybrid electric vehicle) là xe hybrid điện có khả năng di chuyển hoàn toàn chỉ bằng năng lượng điện trong những điều kiện nhất định (như bắt đầu di chuyển từ trạng thái đứng yên, di chuyển ở tốc độ thấp...). Xe không có khả năng nạp điện được từ nguồn điện bên ngoài;</p> <p>c) Xe hybrid nạp điện ngoài (PHEV - Plug-in hybrid electric vehicle) là xe hybrid điện có khả năng nạp điện được từ nguồn điện bên ngoài.</p>	<p><i>năng lượng điện trong một số điều kiện vận hành nhất định (như khởi hành từ trạng thái đứng yên, di chuyển với tốc độ thấp, di chuyển trong một quãng đường nhất định). Xe không có khả năng nạp điện từ nguồn điện bên ngoài. Xe hybrid điện hoàn toàn gồm các loại sau:</i></p> <p><i>Xe hybrid điện song song (Parallel hybrid electric vehicle) là loại xe trong đó động cơ đốt trong và động cơ điện cùng được nối cơ khí với hệ truyền động và có thể đồng thời hoặc riêng rẽ truyền công suất trực tiếp tới bánh xe.</i></p> <p><i>Xe hybrid điện nối tiếp (Series hybrid electric vehicle) là loại xe trong đó động cơ điện là nguồn duy nhất dẫn động bánh xe. Động cơ đốt trong chỉ đóng vai trò phát điện phục vụ động cơ điện.</i></p> <p><i>Xe hybrid điện hỗn hợp (Series-parallel hybrid electric vehicle) là loại xe trong đó động cơ đốt trong vừa có thể dẫn động bánh xe, vừa có thể phát điện, kết hợp với động cơ điện để truyền động.</i></p> <p><i>6. Xe hybrid nạp điện ngoài (PHEV - Plug-in hybrid electric vehicle) là xe hybrid điện hoàn toàn có khả năng nạp điện được từ nguồn điện bên ngoài (off-vehicle).</i></p> <p><i>7. Xe điện mở rộng phạm vi hoạt động (REEV - Range-extended electric vehicle hoặc EREV - Extended-range electric vehicle) là xe có gắn động cơ chạy bằng pin, động cơ điện là nguồn động lực duy nhất dẫn động bánh xe, có nạp điện từ nguồn điện bên ngoài, có máy phát điện để sạc pin và phải đáp ứng các yêu cầu sau:</i></p> <p><i>a) Là loại xe được phát triển từ xe thuần điện;</i></p> <p><i>b) Phạm vi hoạt động chỉ sử dụng thuần điện (All-electric range – AER) không nhỏ hơn 250 km (theo chu trình NEDC);</i></p> <p><i>c) Động cơ dẫn động máy phát điện không thể được kích hoạt thủ công bởi người lái khi dung lượng pin (SOC) đang ở trên mức giới hạn cho phép vận hành thuần điện, ngoại trừ các chế độ đặc biệt phục vụ bảo dưỡng hoặc an toàn do nhà sản xuất quy định.</i></p> <p><i>8. Xe thuần điện (PEV - Pure electric vehicle hoặc BEV - Battery electric vehicle) là xe cơ giới sử dụng hệ thống truyền động điện và không có bất kỳ bộ chuyển đổi năng lượng từ nhiên liệu để tạo công suất dẫn động.</i></p>
--	---

<p>Điểm b khoản 3 Điều 5 3. Máy kéo;</p>	<p>Điều 9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 5 “3. Máy kéo được phân loại theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.”</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 5 theo ý kiến góp ý của Cục An ninh Kinh tế - Bộ Công an.</p>
<p>Điều 7. Phương tiện giao thông thông thường Phương tiện giao thông thông thường là xe cơ giới mà người lái thực hiện toàn bộ các nhiệm vụ điều khiển chuyển động của xe ngay cả khi được hỗ trợ bởi các hệ thống an toàn chủ động trên xe.</p>	<p>Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 “Điều 7. Phương tiện giao thông thông thường <i>Phương tiện giao thông thông thường là phương tiện giao thông đường bộ mà người lái trực tiếp điều khiển phương tiện, bao gồm cả trường hợp được hỗ trợ bởi các hệ thống an toàn chủ động trên phương tiện hoặc được hỗ trợ bởi hệ thống tự động hóa một phần hoạt động điều khiển phương tiện (mức độ tự động hóa của phương tiện được phân loại theo cấp độ 0, 1, 2, 3 quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô).”</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 7 để phù hợp với điểm a khoản 5 Điều 7 Luật số 118/2025/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15). Trích dẫn từ QCVN để đảm bảo tính đồng bộ.</p>
<p>Điều 8. Phương tiện giao thông thông minh Phương tiện giao thông thông minh quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông được phân loại theo cấp độ tự động hóa một phần hoặc toàn phần hoạt động điều khiển phương tiện, cụ thể như sau:</p> <p>1. Xe cơ giới cho phép tự động hóa một phần hoạt động điều khiển phương tiện, xác định lộ trình và xử lý tình huống khi tham gia giao thông đường bộ là các xe thuộc cấp độ 1 (Level or Category 1), cấp độ 2 (Level or Category 2) hoặc cấp độ 3 (Level or Category 3) được phân loại</p>	<p>Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 “Điều 8. Phương tiện giao thông thông minh <i>Phương tiện giao thông thông minh là phương tiện giao thông đường bộ mà toàn bộ việc điều khiển, duy trì hoạt động của phương tiện không cần có sự điều khiển trực tiếp của người lái trên phương tiện đó (mức độ tự động hóa của phương tiện được phân loại theo cấp độ 4, 5 quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô).”</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 8 để phù hợp với điểm a khoản 5 Điều 7 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15).</p>

<p>và định nghĩa trong tiêu chuẩn ISO/SAE PAS 22736:2021 Phân loại và định nghĩa đối với các thuật ngữ liên quan đến hệ thống tự lái của xe cơ giới (Taxonomy and definitions for terms related to driving automation systems for on-road motor vehicles);</p> <p>2. Xe cơ giới cho phép tự động hóa toàn phần hoạt động điều khiển phương tiện, xác định lộ trình và xử lý tình huống khi tham gia giao thông đường bộ là các xe thuộc cấp độ 4 (Level or Category 4) hoặc cấp độ 5 (Level or Category 5) được phân loại và định nghĩa trong tiêu chuẩn ISO/SAE PAS 22736:2021 Phân loại và định nghĩa đối với các thuật ngữ liên quan đến hệ thống tự lái của xe cơ giới (Taxonomy and definitions for terms related to driving automation systems for on-road motor vehicles).</p>		<p>Trích dẫn từ QCVN để đảm bảo tính đồng bộ.</p>
<p>Chương IV PHÂN LOẠI XE CƠ GIỚI THEO NĂNG LƯỢNG SỬ DỤNG VÀ QUY ĐỊNH VỀ DẤU HIỆU NHẬN BIẾT XE CƠ GIỚI SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG SẠCH, NĂNG LƯỢNG XANH, THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG</p>	<p>Điều 12. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề chương IV “Chương IV PHÂN LOẠI XE CƠ GIỚI THEO NĂNG LƯỢNG SỬ DỤNG”.</p>	<p>Căn cứ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 7 Luật số 118/2025/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự, cụ thể là sửa đổi khoản 6 Điều 34 Luật số 36/2024/QH15 đã bãi bỏ quy định giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng “<i>quy định dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng</i></p>
<p>Điều 10. Quy định về dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường</p> <p>Xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này. Dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường khi tham gia giao thông được nhận biết bằng tem kiểm định có nền màu xanh lá cây. Chi tiết mẫu tem quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục</p>	<p>Điều 13. Bãi bỏ Điều 10</p>	<p>liên quan đến an ninh, trật tự, cụ thể là sửa đổi khoản 6 Điều 34 Luật số 36/2024/QH15 đã bãi bỏ quy định giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng “<i>quy định dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng</i></p>

kiểm định, miễn kiểm định lần đầu, cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.		<i> xanh, thân thiện môi trường.”</i>
Chưa có	Điều 14 Bổ sung Phụ lục XII tương ứng bằng Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.	Bổ sung theo ý kiến góp ý của Cục An ninh Kinh tế - Bộ Công an.
Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT		
Khoản 24 Điều 3 24. Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận (sau đây gọi là cơ quan chứng nhận) là Cục Đăng kiểm Việt Nam.	Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 24 Điều 3 “24. Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận (sau đây gọi là cơ quan chứng nhận) <i>là tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý, được thành lập theo quy định của pháp luật và được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, chỉ định để thực hiện việc: kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe, phụ tùng; đánh giá việc đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất xe, phụ tùng.”</i>	Sửa đổi, bổ sung khoản 24 Điều 3 để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam từ 01/01/2026.
	Điều 16. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c, điểm r, điểm x, điểm y khoản 5 Điều 4	
Điểm b khoản 5 Điều 4 “b) Cấp thông báo không đạt đối với trường hợp sau: xe không có số khung; xe có một phần hoặc toàn bộ số khung không xác định được; xe cơ giới có số khung được đóng trên tấm kim loại hoặc vật liệu khác và gắn vào khung xe bằng các phương pháp hàn, đinh tán, keo dán trừ trường hợp: xe bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung; xe cơ giới được thiết kế không có số khung, chỉ có số VIN; xe máy chuyên dùng không có số khung, chỉ có số PIN hoặc số seri.” c) Cấp thông báo không đạt đối với các trường hợp sau: Xe không có nhãn hiệu; Xe cơ giới có số khung hoặc số VIN (trong trường hợp xe cơ giới không có số khung) trùng với số khung hoặc số VIN của xe cơ giới đã được	1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 4 như sau: “b) Cấp thông báo không đạt đối với một trong các trường hợp sau: <i>Xe không có nhãn hiệu. Xe không có số khung (trừ trường hợp xe cơ giới được thiết kế không có số khung, chỉ có số VIN; xe máy chuyên dùng không có số khung, chỉ có số PIN hoặc số seri); xe có một phần hoặc toàn bộ số khung không xác định được; xe cơ giới có số khung được đóng trên tấm kim loại hoặc vật liệu khác và gắn vào khung xe bằng các phương pháp hàn, đinh tán, keo dán. Xe cơ giới có số khung hoặc số VIN (trong trường hợp xe cơ giới không có số khung) trùng với số khung hoặc số VIN của xe cơ giới đã được nhập khẩu trước đó, xe máy chuyên dùng có số khung (hoặc số PIN hoặc số seri trong trường hợp xe máy chuyên dùng không có số khung) trùng với số khung (hoặc số PIN hoặc số seri) của xe máy chuyên dùng cùng nhãn hiệu và cùng loại phương tiện đã được nhập khẩu trước đó; trừ trường hợp bị trùng số khung nhưng xe nhập khẩu chính là xe đã được tái xuất khẩu hợp pháp ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.”</i>	Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 4: ghép điểm b, điểm c khoản 5 thành một điểm b và kết cấu lại để quy định cho rõ hơn, tránh trường hợp vận dụng sai.

<p>nhập khẩu trước đó; xe máy chuyên dùng có số khung (hoặc số PIN hoặc số seri trong trường hợp xe máy chuyên dùng không có số khung) trùng với số khung (hoặc số PIN hoặc số seri) của xe máy chuyên dùng cùng nhãn hiệu và cùng loại phương tiện đã được nhập khẩu trước đó, trừ trường hợp tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ, trường hợp xe nhập khẩu chính là xe đã được tái xuất khẩu hợp pháp ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.”</p>		
<p>Điểm c khoản 5 Điều 4</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điều 4 như sau: “c. Đối với loại xe điện mở rộng phạm vi hoạt động (REEV, EREV), phương pháp thử khí thải, tiêu thụ năng lượng được áp dụng theo phương pháp thử của xe hybrid nạp điện ngoài (PHEV).”.</p>	<p>Bổ sung quy định về phương pháp thử nghiệm đối với loại xe REEV, EREV (loại xe mới phát sinh)</p>
<p>Điểm r khoản 5 Điều 4 “ r) Trường hợp xe máy chuyên dùng có kích thước lớn, phải tháo rời để phù hợp cho việc vận chuyển về Việt Nam thì người nhập khẩu phải lắp ráp hoàn chỉnh xe và xuất trình xe máy chuyên dùng để kiểm tra trong vòng 15 ngày kể từ ngày được đưa xe về bảo quản. Trừ trường hợp bất khả kháng, quá thời hạn nêu trên, nếu người nhập khẩu không xuất trình hoặc xuất trình xe máy chuyên dùng chưa được lắp ráp hoàn chỉnh, cơ quan chứng nhận cấp thông báo không đạt cho chiếc xe nêu trên. Trường hợp các bộ phận tháo rời được vận chuyển bằng các chuyến hàng khác nhau thì người nhập khẩu phải xuất trình các tài liệu thể hiện xe máy chuyên dùng được mua nguyên chiếc và việc tháo rời chỉ nhằm mục đích vận chuyển về Việt Nam; thời hạn phải xuất trình xe để kiểm tra là trong vòng 15 ngày kể từ ngày chuyển hàng cuối cùng được đưa về bảo quản.”</p>	<p>3. Sửa đổi, bổ sung điểm r khoản 5 Điều 4 như sau: “ r) Trường hợp xe máy chuyên dùng có kích thước lớn, phải tháo rời để phù hợp cho việc vận chuyển về Việt Nam <i>hoặc trường hợp xe điện phải tháo rời pin theo yêu cầu về an toàn vận chuyển</i> thì người nhập khẩu phải lắp ráp hoàn chỉnh xe và xuất trình <i>xe</i> để kiểm tra trong vòng 15 ngày kể từ ngày được đưa xe về bảo quản. Trừ trường hợp bất khả kháng, quá thời hạn nêu trên, nếu người nhập khẩu không xuất trình hoặc xuất trình <i>xe</i> chưa được lắp ráp hoàn chỉnh, cơ quan chứng nhận cấp thông báo không đạt cho chiếc xe nêu trên. Trường hợp các bộ phận tháo rời được vận chuyển bằng các chuyến hàng khác nhau thì người nhập khẩu phải xuất trình các tài liệu thể hiện <i>xe</i> được mua nguyên chiếc và việc tháo rời chỉ nhằm mục đích vận chuyển về Việt Nam; thời hạn phải xuất trình xe để kiểm tra là trong vòng 15 ngày kể từ ngày chuyển hàng cuối cùng được đưa về bảo quản.”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.</p>

vòng 15 ngày kể từ ngày chuyển hàng cuối cùng được đưa về bảo quản.”		
Điểm x khoản 5 Điều 4 (Chưa có)	<p>4. Bổ sung điểm x khoản 5 Điều 4 như sau:</p> <p>“x) Đối với xe nhập khẩu được sản xuất tại cơ sở sản xuất nước ngoài đã được cấp thông báo kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu: nếu người nhập khẩu có nhu cầu làm thủ tục đăng ký tạm thời để di chuyển xe từ cửa khẩu về địa điểm bảo quản của người nhập khẩu thì cơ quan chứng nhận cấp Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tạm thời (có thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp) theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này. Sau khi đưa xe về địa điểm bảo quản, người nhập khẩu phải làm thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư này.”.</p>	Bổ sung điểm x khoản 5 Điều 4 để quy định để giảm ách tắc tại cửa khẩu (để cơ quan Cảnh sát giao thông có căn cứ cấp đăng ký tạm cho các xe được sản xuất tại nhà máy đã được đánh giá COP đạt yêu cầu được phép di chuyển từ cửa khẩu về kho hàng của người nhập khẩu)
Điểm y khoản 5 Điều 4 (Chưa có)	<p>5. Bổ sung điểm y khoản 5 Điều 4 như sau:</p> <p>“y) Đối với xe nhập khẩu để tham gia giao thông đường bộ nhưng không thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng thì thực hiện trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Thông tư này.”.</p>	Bổ sung quy định này để phù hợp với quy định của Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ
	Điều 17. Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 5	
<p>Điểm m khoản 1 Điều 5</p> <p>m) Bản sao giấy Chứng nhận đăng ký lưu hành còn hiệu lực không quá 12 tháng đến thời điểm xuất khẩu được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thể hiện xe ô tô đã được đăng ký lưu hành trước khi được nhập khẩu về Việt Nam;</p>	<p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 1 Điều 5 như sau:</p> <p>“m) Bản sao giấy Chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương còn hiệu lực không quá 12 tháng trước thời điểm xuất khẩu được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài;”</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 1 Điều 5</p> <p>quy định cho phù hợp với thực tiễn triển khai và thông lệ của quốc tế</p>

<p>Điểm g khoản 2 Điều 5</p> <p>g) Các tài liệu quy định tại các điểm d, đ, e của khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau: xe ô tô thuộc đối tượng nêu tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe mô tô, xe gắn máy, xe máy chuyên dùng;</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 5 như sau:</p> <p>“g) Các tài liệu quy định tại các điểm d, đ, e của khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau: xe ô tô thuộc đối tượng nêu tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; rơ moóc; sơ mi rơ moóc; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe mô tô; xe gắn máy; xe máy chuyên dùng; <i>ô tô sát xi chỉ sử dụng để lắp ráp thành ô tô tải tự đổ hoạt động trên đường chuyên dùng, không tham gia giao thông trên đường giao thông công cộng (bao gồm cả xe ô tô sát xi có các thông số kỹ thuật, kết cấu hoàn toàn phù hợp để sản xuất, lắp ráp xe hoàn chỉnh tham gia giao thông trên đường giao thông công cộng);</i>”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 5 để đưa nội dung hướng dẫn tại văn bản số 11464/BGTVT-KHCN ngày 13/11/2020 của Bộ Giao thông vận tải vào văn bản quy phạm pháp luật.</p>
<p>Điểm e khoản 1 Điều 10</p> <p>e) Báo cáo thử nghiệm phụ tùng cấp cho chính người nhập khẩu.</p>	<p>Điều 18. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 10</p> <p>“e) Báo cáo thử nghiệm phụ tùng cấp cho chính người nhập khẩu. <i>Riêng trường hợp doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP thì được sử dụng báo cáo thử nghiệm cấp cho Đại diện hợp pháp tại Việt Nam của doanh nghiệp sản xuất nước ngoài.</i>”.</p>	<p>Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 10 để phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017 của Chính phủ định <i>quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.</i></p>
<p>Điểm b khoản 4 Điều 11</p> <p>b) Hiệu lực của thông báo kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu đối với trường hợp miễn đánh giá COP định kỳ quy định tại điểm e khoản 1 Điều này được căn cứ theo ngày hiệu lực của Tài liệu ECE. Khi Tài liệu ECE hết hiệu lực thì người nhập khẩu phải bổ sung Tài liệu ECE mới phù hợp với quy định và còn hiệu lực. Trường hợp chưa cung cấp được Tài liệu ECE thì người nhập</p>	<p>Điều 19. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11</p> <p>“b) Hiệu lực của thông báo kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu đối với trường hợp miễn đánh giá COP định kỳ quy định tại <i>khoản 3 Điều này</i> được căn cứ theo ngày hiệu lực của Tài liệu ECE. Khi Tài liệu ECE hết hiệu lực thì người nhập khẩu phải bổ sung Tài liệu ECE mới phù hợp với quy định và còn hiệu lực. Trường hợp chưa cung cấp được Tài liệu ECE thì người nhập khẩu cung cấp báo cáo kết quả đánh giá COP và trong vòng 90 ngày người nhập khẩu phải bổ sung Tài liệu ECE phù hợp với quy định và còn hiệu lực.”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11 để sửa lỗi soạn thảo</p>

khẩu cung cấp báo cáo kết quả đánh giá COP và trong vòng 90 ngày người nhập khẩu phải bổ sung Tài liệu ECE phù hợp với quy định và còn hiệu lực.		
Điểm c khoản 4 Điều 13 c) Sau 24 ngày làm việc, kể từ ngày phát hành văn bản nêu tại điểm a khoản này, nếu không nhận được phản hồi từ các cơ quan nêu tại điểm b khoản này, cơ quan chứng nhận sẽ cấp bản sao (của bản giấy hoặc bản điện tử) Chứng chỉ chất lượng; trường hợp không cấp lại, cơ quan chứng nhận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Điều 20. sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 13 “c) Sau 24 ngày làm việc, kể từ ngày phát hành văn bản nêu tại điểm b khoản này, nếu không nhận được phản hồi từ các cơ quan nêu tại điểm b khoản này, cơ quan chứng nhận sẽ cấp bản sao (của bản giấy hoặc bản điện tử) Chứng chỉ chất lượng; trường hợp không cấp lại, cơ quan chứng nhận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.	Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 13 để sửa lỗi soạn thảo
Tiêu đề chương IV QUY ĐỊNH VỀ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG, DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG XE CƠ GIỚI	Điều 21. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Chương IV “QUY ĐỊNH VỀ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG XE CƠ GIỚI”	Sửa đổi để bổ nội dung liên quan đến dán nhãn năng lượng do đã được quy định tại Thông tư số 69/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.
Điều 15. Quy định chung về tiêu thụ năng lượng, dán nhãn năng lượng xe cơ giới 1. Người nhập khẩu phải công khai mức tiêu thụ năng lượng của xe cơ giới. Việc công khai mức tiêu thụ năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Phù hợp với các thông tin, mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe đã được chứng nhận; b) Đăng tải thông tin về mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe trên trang thông tin điện tử của người nhập khẩu, cơ sở kinh doanh xe (nếu có). Thông tin công khai phải được duy trì trong suốt thời gian người nhập khẩu, cơ sở kinh doanh xe cung cấp kiểu loại xe ra thị trường. 2. Các loại xe ô tô con, xe mô tô, xe gắn máy chưa qua sử dụng phải được dán nhãn năng lượng trước khi đưa ra thị trường theo quy định tại Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính	Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 “Điều 15. Quy định về tiêu thụ năng lượng xe cơ giới 1. Người nhập khẩu phải công khai mức tiêu thụ năng lượng của xe cơ giới. Việc công khai mức tiêu thụ năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Phù hợp với các thông tin, mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe đã được chứng nhận; b) Đăng tải thông tin về mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe trên trang thông tin điện tử của người nhập khẩu, cơ sở kinh doanh xe (nếu có). Thông tin công khai phải được duy trì trong suốt thời gian người nhập khẩu, cơ sở kinh doanh xe cung cấp kiểu loại xe ra thị trường. 2. Trường hợp kiểu loại xe đáp ứng được điều kiện mở rộng việc thừa nhận kết quả thử nghiệm khí thải quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với kiểu loại xe đã thực hiện thử nghiệm khí thải, mức tiêu thụ năng lượng, người nhập khẩu được phép sử dụng báo cáo kết quả thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng được cấp cho xe cùng kiểu loại nêu trên để làm thủ tục chứng nhận mà không phải thử nghiệm lại mức tiêu thụ năng lượng.”.	

<p><i>phủ ban hành quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện, trừ các trường hợp xe thuộc đối tượng nêu tại điểm a, b, c khoản 4 Điều 6 của Thông tư này.</i></p> <p><i>3. Đối với kiểu loại xe cơ giới thuộc đối tượng phải dán nhãn năng lượng, người nhập khẩu thực hiện đăng ký dán nhãn năng lượng theo quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên cơ sở mức tiêu thụ năng lượng đã được chứng nhận, thực hiện dán nhãn năng lượng cho các xe nhập khẩu trước khi đưa ra thị trường.</i></p> <p><i>4. Khuyến khích người nhập khẩu thực hiện việc đăng ký dán nhãn năng lượng đối với các loại xe không thuộc đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này.</i></p> <p><i>5. Trường hợp kiểu loại xe đáp ứng được điều kiện mở rộng việc thừa nhận kết quả thử nghiệm khí thải quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với kiểu loại xe đã thực hiện thử nghiệm khí thải, mức tiêu thụ năng lượng, người nhập khẩu được phép sử dụng báo cáo kết quả thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng được cấp cho xe cùng kiểu loại nêu trên để làm thủ tục chứng nhận mà không phải thử nghiệm lại mức tiêu thụ năng lượng.</i></p>		
<p>Điều 17</p>	<p>Điều 23. Thay thế cụm từ “cơ quan chứng nhận” bằng cụm từ “Cục Đăng kiểm Việt Nam” tại Điều 17.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam từ 01/01/2026.</p>

<p>Điều 18. Cách thức thực hiện việc triệu hồi</p> <p>1. Đối với người nhập khẩu</p> <p>Trường hợp hàng hóa đã đưa ra thị trường có lỗi kỹ thuật phải triệu hồi, người nhập khẩu phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo triệu hồi từ nhà sản xuất hoặc từ <i>cơ quan chứng nhận</i>, người nhập khẩu phải thông báo bằng văn bản tới các đại lý bán hàng yêu cầu không bán ra thị trường hàng hóa thuộc diện triệu hồi mà chưa được khắc phục;</p> <p>b) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo triệu hồi từ nhà sản xuất hoặc từ <i>cơ quan chứng nhận</i>, người nhập khẩu phải gửi tới <i>cơ quan chứng nhận</i> báo cáo bằng văn bản các nội dung sau: nguyên nhân xảy ra lỗi kỹ thuật, biện pháp khắc phục, số lượng hàng hóa phải triệu hồi, kế hoạch triệu hồi phù hợp;</p> <p>c) Chủ động thực hiện việc triệu hồi và tuân thủ theo đúng kế hoạch triệu hồi, đồng thời người nhập khẩu phải công bố thông tin về kế hoạch triệu hồi và danh sách hàng hóa phải triệu hồi trên Trang thông tin điện tử của người nhập khẩu, các đại lý bán hàng kịp thời, đầy đủ.</p> <p>2. Đối với <i>cơ quan chứng nhận</i></p> <p>a) Thông báo bằng văn bản cho người nhập khẩu về việc tiếp nhận kế hoạch triệu hồi và các yêu cầu bổ sung đối với chương trình triệu hồi (nếu có);</p> <p>b) Yêu cầu người nhập khẩu phải thực hiện việc triệu hồi;</p>	<p>Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 18</p> <p>“Điều 18. Cách thức thực hiện việc triệu hồi</p> <p>1. Đối với người nhập khẩu</p> <p>Trường hợp hàng hóa đã đưa ra thị trường có lỗi kỹ thuật phải triệu hồi, người nhập khẩu phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo triệu hồi từ nhà sản xuất hoặc từ <i>Cục Đăng kiểm Việt Nam</i>, người nhập khẩu phải thông báo bằng văn bản tới các đại lý bán hàng yêu cầu không bán ra thị trường hàng hóa thuộc diện triệu hồi mà chưa được khắc phục;</p> <p>b) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo triệu hồi từ nhà sản xuất hoặc từ <i>Cục Đăng kiểm Việt Nam</i>, người nhập khẩu phải gửi tới <i>Cục Đăng kiểm Việt Nam</i> báo cáo bằng văn bản các nội dung sau: nguyên nhân xảy ra lỗi kỹ thuật, biện pháp khắc phục, số lượng hàng hóa phải triệu hồi, kế hoạch triệu hồi phù hợp;</p> <p>c) Chủ động thực hiện việc triệu hồi và tuân thủ theo đúng kế hoạch triệu hồi, đồng thời người nhập khẩu phải công bố thông tin về kế hoạch triệu hồi và danh sách hàng hóa phải triệu hồi trên Trang thông tin điện tử của người nhập khẩu, các đại lý bán hàng kịp thời, đầy đủ.</p> <p>2. Đối với cơ quan chứng nhận</p> <p><i>Trường hợp hàng hóa thuộc diện triệu hồi mà chưa được cơ quan chứng nhận cấp Chứng chỉ chất lượng, cơ quan chứng nhận thông báo tới cơ quan hải quan nơi mở tờ khai hàng hóa nhập khẩu để cho phép người nhập khẩu tạm giải phóng hàng để thực hiện việc khắc phục hàng hóa thuộc diện triệu hồi. Sau khi người nhập khẩu cung cấp danh sách hàng hóa đã được khắc phục lỗi theo quy định của nhà sản xuất, cơ quan chứng nhận thực hiện thủ tục chứng nhận theo quy định.</i></p> <p>3. Đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam</p> <p><i>a) Thông báo bằng văn bản cho người nhập khẩu về việc tiếp nhận kế hoạch triệu hồi và các yêu cầu bổ sung đối với chương trình triệu hồi (nếu có);</i></p> <p><i>b) Yêu cầu người nhập khẩu phải thực hiện việc triệu hồi;</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam từ 01/01/2026.</p>
--	--	---

	<p><i>c) Thông tin về hàng hóa bị triệu hồi trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam;</i></p> <p><i>d) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện triệu hồi của người nhập khẩu theo kế hoạch;</i></p> <p><i>đ) Tạm dừng các thủ tục chứng nhận chất lượng đối với người nhập khẩu không thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này;</i></p> <p><i>e) Xem xét việc thông báo tới cơ quan chứng nhận để dừng thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với hàng hóa của cùng nhà sản xuất nếu người nhập khẩu cung cấp được bằng chứng nhà sản xuất đó không phối hợp để thực hiện kế hoạch triệu hồi.”.</i></p>	
<p>Khoản 10 Điều 19</p> <p>10. Dán bản chà số khung, số động cơ vào mặt sau giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu, thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu và đóng dấu giáp lai để phục vụ công tác đăng ký xe trực tuyến toàn trình theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.</p>	<p>Điều 25. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 19</p> <p>“10. Dán bản chà số khung, số động cơ vào mặt sau giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu, thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe nhập khẩu <i>(trường hợp chỉ được cấp bản điện tử thì người nhập khẩu in bản điện tử đó lên giấy khổ A4 và đóng dấu treo vào mặt trước của bản in).</i> <i>Đóng dấu giáp lai giữa bản chà và giấy chứng nhận hoặc thông báo miễn đó</i> để phục vụ công tác đăng ký xe trực tuyến toàn trình theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.”</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 19 để phù hợp với việc từ 01/01/2026 chỉ cấp bản điện tử Chứng chỉ chất lượng.</p>
<p>Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan chứng nhận</p> <p>1. Phát hành, quản lý Chứng chỉ chất lượng và chịu trách nhiệm về kết quả chứng nhận.</p> <p>2. Thực hiện kiểm tra đột xuất lô hàng hóa nhập khẩu khi phát hiện hoặc có khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, về vi phạm liên quan đến dán nhãn tiêu thụ năng lượng.</p> <p>3. Thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý vi phạm khi phát hiện người nhập khẩu, kinh doanh xe vi phạm các quy định liên quan đến việc dán nhãn năng lượng.</p>	<p>Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều 20</p> <p>“Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan chứng nhận</p> <p>1. Phát hành, quản lý Chứng chỉ chất lượng và chịu trách nhiệm về kết quả chứng nhận.</p> <p>2. Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra đột xuất lô hàng hóa nhập khẩu khi phát hiện hoặc có khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.</p> <p>3. Thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý vi phạm khi phát hiện người nhập khẩu, kinh doanh xe vi phạm quy định của pháp luật.</p> <p>4. Phối hợp với người nhập khẩu, Cục Đăng kiểm Việt Nam, cơ quan quản lý Công thông tin một cửa quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng để xử lý sự cố giao dịch điện tử theo quy định.</p> <p>5. Lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi để bỏ nội dung liên quan đến dán nhãn năng lượng do đã được quy định tại Thông tư số 69/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p>

<p>4. Công bố danh sách xe phải triệu hồi và nội dung triệu hồi lên Trang thông tin điện tử của cơ quan chứng nhận.</p> <p>5. Phối hợp với người nhập khẩu và cơ quan quản lý Công thông tin một cửa quốc gia, Công thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải để xử lý sự cố giao dịch điện tử theo quy định.</p> <p>6. Công nhận, chỉ định và công khai danh sách các cơ sở thử nghiệm thực hiện việc thử nghiệm xe, phụ tùng phục vụ cho công tác chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, mức tiêu thụ năng lượng xe cơ giới.</p> <p>7. Lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Tổng hợp kết quả chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, kết quả kiểm tra việc dán nhãn năng lượng đối với hàng hóa nhập khẩu để báo cáo cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>6. Tổng hợp kết quả chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu để báo cáo cơ quan có thẩm quyền.”.</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>Điều 27. Bổ sung Điều 20a</p> <p>“Điều 20a. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam</p> <p>1. Xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm trực tuyến để quản lý việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu và chia sẻ dữ liệu với các cơ quan quản lý có liên quan khi có yêu cầu.</p> <p>2. Thực hiện kiểm tra đột xuất lô hàng hóa nhập khẩu khi phát hiện hoặc có khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.</p> <p>3. Công bố danh sách xe phải triệu hồi và nội dung triệu hồi lên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.</p> <p>4. Phối hợp với người nhập khẩu, cơ quan chứng nhận và cơ quan quản lý Công thông tin một cửa quốc gia, Công thông tin điện tử của Bộ Xây dựng để xử lý sự cố giao dịch điện tử theo quy định.</p> <p>5. Công nhận, chỉ định và công khai danh sách các cơ sở thử nghiệm, cơ quan chứng nhận lên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.</p>	<p>Bổ sung để quy định về trách nhiệm của Cục ĐKVN</p>

	<p>6. Kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các cơ sở thử nghiệm, cơ quan chứng nhận.</p> <p>7. Căn cứ kết quả cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu, cấp Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.”.</p>	
<p>Điều 16. Kiểm tra, giám sát việc dán nhãn năng lượng xe cơ giới</p> <p>1. Cơ quan chứng nhận tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện dán nhãn năng lượng như sau:</p> <p>a) Hàng năm, lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra việc tuân thủ về công khai thông tin mức tiêu thụ năng lượng và thực hiện dán nhãn của người nhập khẩu, kinh doanh xe nhập khẩu;</p> <p>b) Kiểm tra đột xuất trong trường hợp nhận được phản ánh, khiếu nại về dấu hiệu vi phạm quy định liên quan đến thực hiện dán nhãn năng lượng của người nhập khẩu, kinh doanh xe cơ giới nhập khẩu.</p> <p>2. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm rõ ràng đối với mức tiêu thụ năng lượng đã được chứng nhận hoặc công bố, cơ quan chứng nhận yêu cầu người nhập khẩu phải thử nghiệm lại mức tiêu thụ năng lượng.</p> <p>3. Trường hợp phát hiện các vi phạm liên quan đến việc dán nhãn năng lượng, cơ quan chứng nhận thông báo bằng văn bản tới Bộ Công Thương và nêu rõ nội dung vi phạm để Bộ Công Thương xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 28. Bãi bỏ Điều 16, khoản 9 Điều 19</p>	<p>Bãi bỏ Điều 16, khoản 9 Điều 19 do nội dung liên quan đến dán nhãn năng lượng đã được quy định tại Thông tư số 69/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p>

	<p>Điều 29. Thay thế Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục VI, Phụ lục XV, Phụ lục XIX, Phụ lục XX tương ứng bằng các Phụ lục XIII, Phụ lục XIV, Phụ lục XV, Phụ lục XVI, Phụ lục XVII, Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thay thế Phụ lục II, Phụ lục III để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Luật số 118/2025/QH15 (Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự) liên quan đến định nghĩa phương tiện giao thông thông minh. - Thay thế Phụ lục VI liên quan đến mẫu Bản đăng ký kiểm tra đối với phụ tùng nhập khẩu. - Thay thế Phụ lục XV liên quan đến quy định về chu kỳ báo cáo, thời gian nộp báo cáo. - Thay thế Phụ lục XIX liên quan đến việc bổ sung điểm x khoản 5 Điều 4, đồng thời bãi bỏ nội dung cũ của Phụ lục XIX do nội dung liên quan đến dán nhãn năng lượng đã được quy định tại Thông tư số 69/2025/TT-BXD
--	---	---

		<p>ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng..</p> <p>- Thay thế Phụ lục XX để sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I Phụ lục XX “4. Xe ô tô chưa qua sử dụng thuộc đối tượng nêu tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP sử dụng phương pháp thử nghiệm khí thải động cơ theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới QCVN 109:2024/BGTVT; <i>ô tô sát xi chỉ sử dụng để lắp ráp thành ô tô tải tự đổ hoạt động trên đường chuyên dùng, không tham</i></p>
--	--	--

		gia giao thông trên đường giao thông công cộng (bao gồm cả xe ô tô sắt xi có các thông số kỹ thuật, kết cấu hoàn toàn phù hợp để sản xuất, lắp ráp xe hoàn chỉnh tham gia giao thông trên đường giao thông công cộng);” để đưa nội dung hướng dẫn tại văn bản số 11464/BGTVT-KHCN ngày 13/11/2020 của Bộ Giao thông vận tải vào văn bản quy phạm pháp luật.
Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT		
Khoản 15 Điều 3 <i>Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận (sau đây gọi tắt là Cơ quan chứng nhận) là Cục Đăng kiểm Việt Nam.</i>	Điều 30. Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 3 <i>“Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận (sau đây gọi tắt là Cơ quan chứng nhận) là tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý, được thành lập theo quy định của pháp luật và được Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận, chỉ định để thực hiện việc: kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe, phụ tùng; đánh giá việc đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất xe, phụ tùng.”</i>	Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 3 để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam từ 01/01/2026
	Điều 31. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 6, khoản 11 Điều 11	
Điều 11 Khoản 4	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:	Sửa đổi khoản 4 Điều 11 để bỏ nội dung

<p>”4. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng và thực hiện ghi nhãn hàng hóa cho sản phẩm, <i>dán nhãn năng lượng xe cơ giới theo quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trước khi đưa ra thị trường</i>. Các sản phẩm chỉ được xuất xưởng, cấp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng xe khi thực hiện đầy đủ các quy định về việc đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này, Giấy chứng nhận của kiểu loại sản phẩm còn hiệu lực và khi phụ tùng sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe thuộc đối tượng phải kiểm tra thử nghiệm và chứng nhận theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này đáp ứng một trong yêu cầu sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận của phụ tùng còn hiệu lực;</p> <p>b) Thông báo miễn kiểm tra phụ tùng theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP còn hiệu lực.”</p>	<p>“4. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng và thực hiện ghi nhãn hàng hóa cho sản phẩm. Các sản phẩm chỉ được xuất xưởng, cấp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng xe khi thực hiện đầy đủ các quy định về việc đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này, Giấy chứng nhận của kiểu loại sản phẩm còn hiệu lực và khi phụ tùng sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe thuộc đối tượng phải kiểm tra thử nghiệm và chứng nhận theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này đáp ứng một trong yêu cầu sau:</p> <p>a) Giấy chứng nhận của phụ tùng còn hiệu lực;</p> <p>b) Thông báo miễn kiểm tra phụ tùng theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP còn hiệu lực.”.</p>	<p>liên quan đến dán nhãn năng lượng do đã được quy định tại Thông tư số 69/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p>
<p>Khoản 6</p> <p>“6. Cơ sở sản xuất chỉ được cấp Phiếu xuất xưởng sau khi xe đã được kiểm tra chất lượng xuất xưởng đạt yêu cầu, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận.”</p>	<p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:</p> <p>“6. Cơ sở sản xuất chỉ được cấp <i>Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng</i> sau khi xe đã được kiểm tra chất lượng xuất xưởng đạt yêu cầu, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận. <i>Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng là bản in từ bản điện tử và đóng dấu của cơ sở sản xuất (bản điện tử được hệ thống dịch vụ công trực tuyến tạo lập từ cơ sở dữ liệu về kết quả kiểm tra chất lượng xuất xưởng đạt yêu cầu của cơ sở sản xuất). Trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật, cơ sở sản xuất cấp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng bản giấy được in trên phôi Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng. Việc quản lý, sử dụng phôi Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được quy định tại khoản 7 Điều này.</i>”.</p>	<p>Bổ sung phương thức cấp PXX bản điện tử</p>
<p>Khoản 11</p> <p>Chưa có</p>	<p>3. Bổ sung khoản 11 như sau:</p> <p>”11. Đối với xe điện mà phải tháo rời pin (ắc quy) để đảm bảo an toàn trong quá trình lưu kho hoặc vận chuyển thì phải lắp đầy đủ pin (ắc quy) đúng kiểu</p>	<p>Bổ sung điều khoản này để đảm bảo an toàn cháy, nổ đối với</p>

	loại với pin (ắc quy) đã đăng ký trong hồ sơ chứng nhận kiểu loại xe trước khi giao xe cho khách hàng.”	xe điện trong quá trình lưu kho, vận chuyển.
Điểm d khoản 1 Điều 12 Có sự sai lệch thông tin về mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe cơ giới đã được chứng nhận với thông tin về mức tiêu thụ năng lượng trên nhãn năng lượng của kiểu loại xe cơ giới; hoặc trường hợp giá trị thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe cơ giới đã được chứng nhận mức tiêu thụ năng lượng được xác định không đáp ứng yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.	Điều 32. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 12 <i>“đ) Có thông báo bằng văn bản của cơ quan kiểm tra chuyên ngành về sự sai lệch thông tin liên quan đến mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe cơ giới đã được chứng nhận với thông tin về mức tiêu thụ năng lượng trên nhãn năng lượng của kiểu loại xe cơ giới; hoặc trường hợp giá trị thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe cơ giới đã được chứng nhận mức tiêu thụ năng lượng được xác định không đáp ứng yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.”</i>	Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 12 để lấy thông tin về vi phạm dán nhãn năng lượng thông qua cơ quan kiểm tra chuyên ngành để làm cơ sở quyết định các bước tiếp theo
Điều 16. Quy định về tiêu thụ năng lượng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng xe cơ giới 1. Cơ sở sản xuất phải thực hiện công khai mức tiêu thụ năng lượng của xe cơ giới. Việc công khai mức tiêu thụ năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Phù hợp với các thông tin, mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe đã được chứng nhận; b) Đăng tải thông tin về mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe trên trang thông tin điện tử của cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh xe (nếu có). Thông tin công khai phải được duy trì trong suốt thời gian cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh xe cung cấp kiểu loại xe ra thị trường. 2. Các loại xe phải được dán nhãn năng lượng trước khi đưa ra thị trường, bao gồm: a) Xe ô tô con; b) Xe mô tô, xe gắn máy.	Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 “ Điều 16. Quy định về tiêu thụ năng lượng xe cơ giới 1. Cơ sở sản xuất phải thực hiện công khai mức tiêu thụ năng lượng của xe cơ giới. Việc công khai mức tiêu thụ năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Phù hợp với các thông tin, mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe đã được chứng nhận; b) Đăng tải thông tin về mức tiêu thụ năng lượng của kiểu loại xe trên trang thông tin điện tử của cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh xe (nếu có). Thông tin công khai phải được duy trì trong suốt thời gian cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh xe cung cấp kiểu loại xe ra thị trường. 2. Kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận có các thay đổi không thoả mãn về sản phẩm cùng kiểu loại về mức tiêu thụ năng lượng hoặc các thay đổi làm ảnh hưởng đến mức tiêu thụ năng lượng đã được chứng nhận vượt quá phạm vi cho phép hoặc không đáp ứng được điều kiện mở rộng việc thừa nhận kết quả thử nghiệm khí thải quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng thì phải thực hiện chứng nhận lại kiểu loại xe liên quan tới mức tiêu thụ năng lượng.”	Sửa đổi, bổ sung Điều 16 để bỏ nội dung liên quan đến dán nhãn năng lượng do đã được quy định tại Thông tư số 69/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

<p>3. Không áp dụng dán nhãn năng lượng đối với các loại xe quy định tại khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Xe sản xuất, lắp ráp từ xe cơ sở đã được dán nhãn năng lượng;</p> <p>b) Xe sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu.</p> <p>4. Cơ sở sản xuất thực hiện đăng ký dán nhãn năng lượng theo quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với kiểu loại xe cơ giới thuộc đối tượng phải dán nhãn năng lượng trên cơ sở mức tiêu thụ năng lượng đã chứng nhận, thực hiện dán nhãn năng lượng cho các xe xuất xưởng trước khi đưa ra thị trường.</p> <p>5. Kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận có các thay đổi không thoả mãn về sản phẩm cùng kiểu loại về mức tiêu thụ năng lượng hoặc các thay đổi làm ảnh hưởng đến mức tiêu thụ năng lượng đã được chứng nhận vượt quá phạm vi cho phép hoặc không đáp ứng được điều kiện mở rộng việc thừa nhận kết quả thử nghiệm khí thải quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng thì phải thực hiện chứng nhận lại kiểu loại xe liên quan tới mức tiêu thụ năng lượng.</p>		
<p>Điểm b khoản 2 Điều 19</p> <p>Sản phẩm triệu hồi theo yêu cầu của Cơ quan chứng nhận.</p>	<p>Điều 34. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 19</p> <p>Sản phẩm triệu hồi theo yêu cầu <i>Cục Đăng kiểm Việt Nam</i>.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 19 để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam từ 01/01/2026</p>
<p>Điều 20. Triệu hồi sản phẩm</p> <p>1. Triệu hồi sản phẩm do cơ sở sản xuất công bố và chủ động thực hiện</p>	<p>Điều 35. Thay thế cụm từ “Cơ quan chứng nhận” bằng cụm từ “Cục Đăng kiểm Việt Nam” tại Điều 20.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam từ 01/01/2026</p>

<p>Trường hợp phát hiện các sản phẩm đã cung cấp ra thị trường có khuyết tật thuộc diện phải triệu hồi, cơ sở sản xuất chủ động thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Tạm dừng xuất xưởng đối với các sản phẩm thuộc kiểu loại sản phẩm có khuyết tật;</p> <p>b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện ra sản phẩm có khuyết tật, cơ sở sản xuất phải thông báo bằng văn bản tới các đại lý bán hàng yêu cầu tạm dừng việc cung cấp sản phẩm có khuyết tật ra thị trường;</p> <p>c) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày xác định các sản phẩm có khuyết tật thuộc diện triệu hồi, cơ sở sản xuất phải báo cáo Cơ quan chứng nhận về nguyên nhân xảy ra khuyết tật của sản phẩm, biện pháp khắc phục, số lượng sản phẩm triệu hồi và kế hoạch triệu hồi sản phẩm;</p> <p>d) Công bố kế hoạch triệu hồi trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Định kỳ hàng năm, cơ sở sản xuất báo cáo kết quả thực hiện triệu hồi tới Cơ quan chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>e) Sau thời gian không quá 30 ngày kể từ khi kết thúc việc triệu hồi, cơ sở sản xuất phải báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện triệu hồi tới Cơ quan chứng nhận.</p> <p>2. Triệu hồi theo yêu cầu của Cơ quan chứng nhận</p> <p>Khi phát hiện ra sản phẩm của cơ sở sản xuất đã cung cấp ra thị trường có khuyết tật thuộc diện phải triệu hồi, Cơ quan chứng nhận căn cứ theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật,</p>		
---	--	--

<p>các thông tin và kết quả điều tra để xem xét và quyết định thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng kiểu loại sản phẩm có khuyết tật và báo cáo Cơ quan chứng nhận về các thông tin liên quan về sản phẩm;</p> <p>b) Căn cứ vào mức độ nguy hiểm và khẩn cấp của sản phẩm có khuyết tật để có yêu cầu cơ sở sản xuất thực hiện ngay triệu hồi sản phẩm. Trường hợp sản phẩm bị khuyết tật gây ra bởi nhiều nguyên nhân phức tạp và cần phải đưa các quyết định kịp thời để yêu cầu cơ sở sản xuất thực hiện triệu hồi sản phẩm khuyết tật, Cơ quan chứng nhận trưng cầu các chuyên gia để đánh giá mức độ nguy hiểm của lỗi của sản phẩm có khuyết tật.</p> <p>3. Cơ quan chứng nhận tiếp nhận kế hoạch triệu hồi và thông báo cho cơ sở sản xuất và các yêu cầu bổ sung đối với kế hoạch triệu hồi (nếu có).</p> <p>4. Cơ sở sản xuất thực hiện báo cáo định kỳ kết quả thực hiện triệu hồi sản phẩm như sau:</p> <p>a) Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện triệu hồi sản phẩm;</p> <p>b) Nội dung yêu cầu báo cáo: số lượng các sản phẩm đã thực hiện triệu hồi và hoàn thành khắc phục theo kế hoạch và biện pháp khắc phục đã công bố; số lượng các sản phẩm chưa thực hiện được theo kế hoạch và biện pháp khắc phục đã công bố;</p> <p>c) Đối tượng thực hiện báo cáo: cơ sở sản xuất;</p> <p>d) Cơ quan nhận báo cáo: Cơ quan chứng nhận;</p>		
---	--	--

<p>đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; được gửi bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính, gửi qua hệ thống thư điện tử, các phương thức khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm;</p> <p>g) Tần suất thực hiện báo cáo: báo cáo định kỳ hàng năm;</p> <p>h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;</p> <p>i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.</p>		
<p>Khoản 11 Điều 21</p> <p>Chưa có</p>	<p>Điều 36. Bổ sung khoản 11 Điều 21</p> <p>“11. Chịu trách nhiệm về việc lắp đặt pin (ắc quy) đúng kiểu loại với pin (ắc quy) đã đăng ký trong hồ sơ chứng nhận kiểu loại xe đối với trường hợp xe điện mà phải tháo rời pin (ắc quy) để đảm bảo an toàn trong quá trình lưu kho hoặc vận chuyển.”.</p>	<p>Quy định để đảm bảo cơ sở sản xuất, lắp ráp phải chịu trách nhiệm thực hiện đối với trường hợp xe điện mà phải tháo rời pin (ắc quy) để đảm bảo an toàn trong quá trình lưu kho hoặc vận chuyển</p>
	<p>Điều 37. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 10 Điều 22</p>	
<p>Khoản 6 Điều 22</p> <p>Kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất việc đảm bảo chất lượng sản phẩm; kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng tại cơ sở sản xuất; thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ việc dán nhãn năng lượng.</p>	<p>1. Sửa đổi bổ sung khoản 6 Điều 22 như sau:</p> <p>“6. Kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất việc đảm bảo chất lượng sản phẩm; kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng tại cơ sở sản xuất.”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 22 để bổ nội dung liên quan đến dán nhãn năng lượng do đã được quy định tại Thông tư số</p>

		69/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.
Khoản 10 Điều 22 Tổng hợp kết quả thực hiện công tác chứng nhận, kiểm tra dán nhãn năng lượng xe và báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.	2. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 22 như sau: “Tổng hợp kết quả thực hiện công tác chứng nhận và báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.”.	Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 22 để bổ nội dung liên quan đến dán nhãn năng lượng do đã được quy định tại Thông tư số 69/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.
Chưa có	Điều 38. Bổ sung Điều 22a “Điều 22a. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam 1. Xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm trực tuyến để quản lý việc chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, dữ liệu xuất xưởng đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và chia sẻ dữ liệu với các cơ quan quản lý có liên quan khi có yêu cầu. 2. Công bố danh sách xe phải triệu hồi và nội dung triệu hồi lên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.	Bổ sung trách nhiệm của Cục ĐKVN trong công tác chứng nhận

	<p>3. Phối hợp với cơ sở sản xuất, cơ quan chứng nhận và cơ quan quản lý Công thông tin điện tử của Bộ Xây dựng để xử lý sự cố giao dịch điện tử theo quy định.</p> <p>4. Công nhận, chỉ định và công khai danh sách các cơ sở thử nghiệm, cơ quan chứng nhận lên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.</p> <p>5. Kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các cơ sở thử nghiệm, cơ quan chứng nhận.”</p>	
Phụ lục IX, Phụ lục X	Điều 39. Thay thế Phụ lục II, Phụ lục IX, Phụ lục X tương ứng bằng Phụ lục XIX, Phụ lục XX, Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này.	Để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam từ 01/01/2026.

<p>Điều 18. Kiểm tra, giám sát việc dán nhãn năng lượng xe cơ giới</p> <p>Khoản 12 Điều 3</p> <p><i>Nhãn năng lượng của xe cơ giới</i> (sau đây viết tắt là nhãn năng lượng) là nhãn cung cấp các thông tin liên quan đến loại năng lượng sử dụng, mức tiêu thụ năng lượng và kiểu loại xe cơ giới.</p> <p>Khoản 3 Điều 22</p> <p>Công nhận, chỉ định và công khai danh sách các cơ sở thử nghiệm thực hiện việc thử nghiệm phụ tùng xe cơ giới, xe phục vụ cho công tác chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, mức tiêu thụ năng lượng xe cơ giới.</p> <p>Khoản 7 Điều 22</p> <p>Thông báo tới Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý vi phạm theo quy định khi phát hiện cơ sở sản xuất, kinh doanh xe vi phạm các quy định liên quan đến việc dán nhãn năng lượng trong quá trình kiểm tra, giám sát.</p>	<p>Điều 40. Bãi bỏ khoản 12 Điều 3; Điều 18; khoản 3, khoản 7 Điều 22, Phụ lục XV.</p>	<p>- Bãi bỏ Khoản 12 Điều 3, Điều 18, khoản 7 Điều 22, Phụ lục XV do nội dung liên quan đến dán nhãn năng lượng đã được quy định tại Thông tư số 69/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Bãi bỏ khoản 3 Điều 22 do chuyển nhiệm vụ này lên Cục ĐKVN.</p>
---	---	---